

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI
(Bản dự thảo)

Điều lệ này của Công ty cổ phần Du lịch Đồng Nai (dưới đây gọi là “Công ty”) là cơ sở pháp lý cho hoạt động của Công ty; các quy định của Công ty, các nghị quyết của cổ đông và Hội đồng quản trị đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày 07 tháng 04 năm 2017 và thay thế bản Điều lệ của Công ty ngày 24 tháng 03 năm 2008 .

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "*Luật Doanh nghiệp*" được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - b. "*Vốn điều lệ*" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 9 Điều lệ này;
 - c. "*Cổ phần*": Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau được gọi là cổ phần
 - d. "*Cổ phần phổ thông*" là một đơn vị của Vốn điều lệ, có mệnh giá là 10.000 đồng và cho phép người nắm giữ có các quyền theo qui định của Điều lệ này.
 - e. "*Cổ phiếu*" là chứng chỉ do Công ty phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty.
 - f. "*Cổ đông*" là mọi thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phiếu.
 - g. "*Cổ tức*" là số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận của công ty để trả cho mỗi cổ phần.
 - h. "*Ngày thành lập*" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;
 - i. "*Người quản lý doanh nghiệp*" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, thanh viên Ban Kiểm soát, Giám đốc/Tổng Giám đốc Công ty, Phó giám đốc/Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;

- j. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;
 - k. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
 - l. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - m. Địa bàn kinh doanh: Có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một điều khoản nào hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế cho chúng.
 3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
 4. Các từ hoặc thuật ngữ nào được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty, Người đại diện theo pháp luật

1. Tên Công ty
 - Tên tiếng Việt : **Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai**
 - Tên tiếng Anh : **Dong Nai Tourist Joint Stock Company.**
 - Tên viết tắt : **DONATOURS**
2. Hình thức hoạt động

Công ty là một Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty
 - Địa chỉ: 105 Hà Huy Giáp, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.
 - Điện thoại: 061.3822368.
 - Fax: 061.3822885.
 - Email: dnt@donatours.vn
 - website : www.donatours.vn
4. Các đơn vị phụ thuộc công ty:
 - **Khách sạn Đồng Nai:** 57, đường Phạm Văn Thuận, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
 - **Khách sạn Hòa Bình:** 09, đường Võ Thị Sáu, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

- **Nhà hàng Đồng Nai:** 113, đường Cách mạng tháng 8, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
 - **Nhà hàng Sen Vàng:** 105B, đường Hà Huy Giáp, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
 - **Trung tâm Dịch vụ Lễ hành:** 105B, đường Hà Huy Giáp, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
 - **Trung tâm Thương mại Tổng hợp:** 105, đường Hà Huy Giáp, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
5. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.
 - Giám đốc/Tổng giám đốc công ty là người đại diện theo pháp luật.
 6. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
 7. Thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Huy động và sử dụng đồng vốn có hiệu quả nhất, không ngừng phát triển các nguồn lực, cải tiến chất lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, cải thiện điều kiện làm việc, ổn định cuộc sống cho người lao động, bảo đảm lợi ích hợp pháp của các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Điều 4. Ngành, nghề kinh doanh

<i>STT</i>	<i>Tên ngành</i>	<i>Mã ngành</i>
1.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
2.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay, đường thủy, đường sắt, đường bộ	5229
3.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
4.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (không chứa vật liệu xây dựng tại trụ sở chính)	4663
5.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ bán buôn thuốc bảo vệ thực vật)	4669
6.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
7.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
8.	Bán mô tô, xe máy	4541
9.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn rượu, bia, nước giải khát	4633
10.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo Chi tiết: Bán buôn sản phẩm thuốc lá	4634
11.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
12.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện	4649
13.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
14.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng và vận tải khách du lịch	4932
15.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
16.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức sự kiện	8230
17.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh khu du lịch sinh thái	9329
18.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
19.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810

	Chi tiết: Cho thuê văn phòng	
20.	Quảng cáo	7310
21.	Đại lý du lịch	7911
22.	Điều hành tua du lịch	7912
23.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920

(Căn cứ theo Giấy xác nhận về việc thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 15 tháng 04 năm 2016)

Công ty có thể mở rộng, bổ sung lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh căn cứ theo yêu cầu thực tế và thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 6. Địa bàn hoạt động của Công ty

Tại Việt Nam và nước ngoài theo đúng quy định của pháp luật

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Công ty

Công ty có quyền và nghĩa vụ như quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Luật Doanh nghiệp hiện hành.

Điều 8. Các tổ chức chính trị xã hội

1. Công ty có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và các quy định của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Các tổ chức Công đoàn, Hội cựu chiến binh, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, tổ chức Phụ nữ hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ của tổ chức đó.
3. Công ty tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức trên hoạt động theo đúng Hiến pháp và Pháp luật.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 9. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Công ty là 74.596.750.000 VNĐ (Bảy mươi bốn tỷ năm trăm chín sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

2. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 7.459.675 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần
3. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 10. Cổ phần

1. Công ty Cổ phần phải có cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.
2. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
3. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và phù hợp với quy định của Pháp luật
4. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 11. Chứng nhận cổ phiếu.

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 12. Cổ đông sáng lập

Cổ đông sáng lập của Công ty là những cổ đông có đủ các điều kiện sau:

1. Tham gia thông qua Điều lệ lần đầu;
2. Cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% số cổ phần phổ thông được quyền chào bán;
3. Sở hữu số lượng cổ phần tối thiểu là 1% vốn Điều lệ.

Điều 13. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp quy định tại Khoản 3, Điều 119 của Luật Doanh nghiệp hiện hành và Điều lệ Công ty có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần.
2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng theo thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

Điều 14. Thừa kế cổ phần

1. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc pháp luật của cổ đông đó là cổ đông Công ty. Nếu có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì những người này phải cử một người trong số họ làm đại diện sở hữu duy nhất dưới hình thức ủy quyền có công chứng.
2. Khi có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, người có quyền thừa kế sẽ được đăng ký chủ sở hữu các cổ phần đã thừa kế, trở thành cổ đông mới và được thừa hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế.
3. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
4. Cổ phần của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát cũng được thừa kế nhưng người nhận thừa kế chỉ thừa kế quyền sở hữu cổ phần, không được đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng Quản

trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát cho đến khi được Đại hội đồng cổ đông bầu.

Điều 15. Mua lại cổ phần

1. Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán hoặc mua lại một phần hoặc toàn bộ cổ phần loại khác đã bán theo quy định tại Điều 130 Luật Doanh nghiệp hiện hành. Việc mua lại cổ phần được Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 128, 129, 130 Luật Doanh nghiệp hiện hành.
2. Cổ đông được quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp sau đây:
 - a. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty;
 - b. Cổ đông biểu quyết phản đối việc thay đổi quyền và nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ
3. Khi yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình, cổ đông phải làm văn bản yêu cầu trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, giá dự kiến bán, lý do yêu cầu mua lại. Văn bản yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định mà cổ đông phản đối.
4. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu mua lại cổ phần của cổ đông. Công ty phải thực hiện mua lại cổ phần của cổ đông theo giá thị trường hoặc giá thỏa thuận giữa cổ đông và Hội đồng quản trị. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng. Chi phí định giá do bên bán chịu.

Điều 16. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá lãi suất huy động bình quân liên ngân hàng một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

Điều 17. Quyền hạn của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 119 và Khoản 1 Điều 126 của Luật Doanh nghiệp;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

- g. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - h. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:
- a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát. Việc đề cử được thực hiện như sau:
 - Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị hay Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước ba (03) ngày khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.
 - Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hay nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định tại Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên Cổ đông hay nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số lượng ứng viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp.
Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu có liên quan;
 - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
Yêu cầu phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ

đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 18. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
3. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.
4. Có trách nhiệm bảo vệ tài sản, uy tín, giữ bí mật các hoạt động nghiệp vụ của Công ty.
5. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
6. Đối với cổ đông chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua ưu đãi theo quy định trong vòng 03 (ba) năm, kể từ ngày trở thành cổ đông chiến lược chính thức. Trong trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng trước thời hạn thì phải được Hội đồng quản trị Công ty chấp nhận.
7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 19. Các đại diện được ủy quyền

1. Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác thay mặt mình thực hiện các quyền của cổ đông bằng văn bản ủy quyền. Đại diện được ủy quyền thực hiện các quyền được ủy quyền nhân danh cổ đông ủy quyền.
2. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông. Đại diện được ủy quyền không được ủy quyền lần thứ hai cho người khác.
3. Đại diện được ủy quyền không được đem thế chấp, cầm cố, bảo lãnh số cổ phiếu được ủy quyền trong bất cứ trường hợp nào.
4. Văn bản ủy quyền phải được lập theo mẫu chung hoặc mẫu khác do Hội đồng quản trị quy định.
 - a. Nếu cổ đông ủy quyền là thể nhân thì văn bản ủy quyền phải là hợp pháp.

- b. Nếu cổ đông ủy quyền là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải được đóng dấu và ký bởi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân đó.
5. Đại diện được ủy quyền có thể bị thu hồi việc ủy quyền bởi văn bản chấm dứt ủy quyền do cổ đông ký. Văn bản này phải được lập theo mẫu do Hội đồng quản trị quy định.
6. Lá phiếu bầu của đại diện được ủy quyền trong phạm vi ủy quyền sẽ có hiệu lực ngay cả khi cổ đông chỉ định đại diện ủy quyền đó đã:
 - a. Chết hoặc không có khả năng tự chủ hành vi của mình.
 - b. Hủy bỏ chỉ định ủy quyền; hoặc
 - c. Hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện ủy quyền.
7. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông sẽ không được áp dụng khi Công ty nhận được thông báo chậm nhất là 24 giờ trước khi cuộc họp khai mạc.

CHƯƠNG VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY

Điều 20. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc/Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VII. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 21. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền.
2. Đại hội cổ đông thường niên:
 - a. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần, trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính
 - b. Đại hội thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại địa điểm do Hội đồng quản trị quy định tùy từng thời điểm.
 - c. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty
 - Báo cáo tài chính hàng năm;
 - Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

- Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, của Giám đốc/Tổng Giám đốc;
 - Báo cáo tự đánh giá về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng kiểm soát viên;
 - Mua cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
3. Đại hội đồng cổ đông bất thường.
- Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
- a. Có 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị trở lên xét thấy cần thiết phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông vì lợi ích của Công ty;
 - b. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
 - c. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục tối thiểu sáu (06) tháng yêu cầu triệu tập Đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan;
 - e. Có 2/3 số thành viên Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.
4. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông
- Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp theo:
- a. Quyết định của Hội đồng quản trị.
Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày khi có các trường hợp tại Khoản 3 của điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu

tập hợp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty

- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- d. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các a, b, c Khoản 4 của Điều này sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau :
 - a. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
 - b. Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - d. Thông qua định hướng phát triển Công ty, Quyết định đầu tư hay bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Quyết định bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - f. Thông qua các báo cáo tài chính năm;
 - g. Quyết định mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
 - h. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - j. Công ty ký kết hợp đồng với các đối tượng theo quy định tại Khoản 1, Điều 162 Luật doanh nghiệp hiện hành với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

- k. Số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.
 - l. Việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (3) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - m. Quyết định thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - n. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng, giao dịch được thảo luận và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Danh sách cổ đông có quyền dự họp và các đại diện được ủy quyền

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:
- a. Khi có quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông, danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ, trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông;
 - c. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ cổ đông theo yêu cầu;
 - d. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền thay thế người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.
2. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự.

3. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định.

Điều 24. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện dự họp; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;
 - b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - d. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - e. Dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của từng ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - f. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời gian ít nhất 06 tháng liên tục có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Cấp triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan quy định tại Khoản 4 điều này trong các trường hợp sau:

- a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng;
 - c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;
 - d. Đề xuất không có những thông tin rõ ràng.
6. Cấp triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 điều này. Kiến nghị được chính thức đưa vào chương trình cuộc họp nếu Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
 7. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 25. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp.
2. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

Điều 26. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Tại Đại hội đồng cổ đông, thủ tục đăng ký cổ đông phải được tiến hành và thực hiện cho đến khi đảm bảo rằng tất cả các cổ đông có quyền dự họp đều đăng ký đủ.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu

- quyết của cổ đông đó. Việc biểu quyết tại Đại hội sẽ được thực hiện bằng thẻ biểu quyết. Đại hội sẽ bầu Ban kiểm phiếu để xác định kết quả biểu quyết.
3. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
 4. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại hội nếu nhận thấy rằng:
 - a. Những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp;
 - b. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ;
 - c. Ngoài ra theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu cần thiết, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội.
 5. Bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông.
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
 - b. Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa.

Điều 27. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Tất cả các quyết định của Đại hội đồng cổ đông đều được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Trừ trường hợp qui định tại khoản 3 dưới đây, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

3. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sau đây được thông qua khi có sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần từng loại;
 - b. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - c. Quyết định tổ chức lại Công ty;
 - d. Quyết định giải thể Công ty;
 - e. Quyết định dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
4. Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông kể cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.

Điều 28. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

Nếu sau thời hạn quy định trong Phiếu lấy ý kiến cổ đông mà Công ty không nhận được Phiếu lấy ý kiến của cổ đông thì coi như cổ đông đã đồng ý với tất cả các vấn đề mà Hội đồng quản trị đã xin ý kiến.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các quyết định đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

g. Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử (website), việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 29. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và được Chủ tọa Đại hội và Thư ký ký xác nhận. Nếu biên bản được lập thêm bằng tiếng nước ngoài thì cả hai đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty (nếu có).
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 30. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc/Tổng Giám đốc có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - b. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.
2. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VIII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 31. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng Quản trị gồm có năm (05) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là năm (05) năm do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm

2. Thành viên Hội đồng Quản trị được bầu cử theo thể thức bầu dồn phiếu. Theo đó mỗi cổ đông có tổng số cổ phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên Hội đồng Quản trị được bầu vào cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hay một số ứng cử viên.
3. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2, Điều 18, Luật doanh nghiệp hiện hành;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị Công ty khác;
 - d. Trường hợp nếu Công ty có Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc/Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; Không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Công ty mẹ.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 06 tháng liên tục trở lên có quyền đề cử một (01) ứng viên để bầu vào Hội đồng quản trị; từ 20% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 60% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - c. Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
6. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề

cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

7. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho tới khi Hội đồng quản trị mới được bầu vào và tiếp quản công việc
8. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

Điều 32. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán của từng loại;
 - e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - f. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 135 và khoản 3, Điều 162 của Luật Doanh nghiệp hiện hành.
 - g. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc/Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, hoặc người quản lý quan trọng khác theo đề nghị của Giám đốc/Tổng Giám đốc; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

- h. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - i. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - j. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - k. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - m. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;
 - n. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc/Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
 - o. Quyết định bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán gần nhất của Công ty;
 - p. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp;
3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp khi có thông báo, được ủy quyền cho người khác tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị nếu như có sự đồng ý của đa số thành viên Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

Điều 33. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc/Tổng Giám đốc trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Điều 152, Luật doanh nghiệp hiện hành và Điều lệ Công ty, Pháp luật không có quy định khác. Việc Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc/Tổng Giám đốc Công ty phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị dưới hình thức khác;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Các quyền khác do Luật doanh nghiệp hiện hành quy định.
3. Phó Chủ tịch có các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch nếu được Chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo với Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc trong trường hợp Chủ tịch phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ.
 4. Khi cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm vì bất kỳ lý do gì thì trong vòng mười (10) ngày Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế.
 5. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng hoặc bổ nhiệm Thư ký để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Thư ký Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Chủ động trong việc liên hệ với các thành viên Hội đồng quản trị Công ty;
 - b. Chủ động làm việc với các phòng ban để tổng hợp thông tin phục vụ nhu cầu thông tin cho Hội đồng quản trị, cổ đông và nhà đầu tư;
 - c. Làm đầu mối liên lạc giữa Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị, giữa Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Tập hợp thông tin từ các phòng ban để chuẩn bị tài liệu họp Hội đồng quản trị;
 - e. Tổng hợp các ý kiến và ghi biên bản các cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - f. Lưu các chứng từ, văn bản liên quan đến Hội đồng quản trị;
 - g. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên (lên chương trình họp đại hội, gửi thư mời cổ đông, chuẩn bị tài liệu họp, tờ trình, kịch bản chương trình, ...); gửi và thu nhận phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
 6. Thư ký Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình, mức thù lao do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 34. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị để giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Thời gian và địa điểm họp phải được thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị biết trước ít nhất là năm (05) ngày trước

- ngày họp dự kiến. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập họp vào bất kỳ thời điểm nào mà Chủ tịch cho là cần thiết nhưng ít nhất mỗi quý họp một lần.
2. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị mà không có bất kỳ sự trì hoãn nào khi một trong các đối tượng sau đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - b. Tối thiểu từ 3 đến 5 thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Giám đốc/Tổng Giám đốc;
 - d. Trưởng Ban kiểm soát.
 3. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong vòng bảy (07) ngày làm việc sau khi nhận được đề nghị. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 2 điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
 4. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
 5. Cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có từ 3/5 (ba phần năm) tổng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc người đại diện được ủy quyền tham dự.
 6. Biểu quyết:
 - a. Trừ quy định tại khoản 6 của Điều này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết.
 - b. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc các đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó có mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của công ty. Một thành viên Hội đồng Quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để tổ chức một cuộc

họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

- c. Theo quy định tại khoản 6 của Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất và phạm vi lợi ích của Thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố một cách đích đáng.

7. Công khai lợi ích:

Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với công ty và biết mình có lợi ích trong đó sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng Quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết mình có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

8. Biểu quyết đa số:

Hội đồng Quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

9. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác:

Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể được tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời;
- c. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể trao đổi một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp cả những phương thức này. Theo điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị thông qua cuộc họp như vậy được coi là “có mặt”

tại cuộc họp đó. Địa điểm của cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà thành viên Hội đồng Quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

- d. Các quyết định được thông qua cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng tất cả chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Nghị quyết bằng văn bản:

Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị sau đây:

- a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị;
- b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng Quản trị. Nghị quyết loại này có giá trị và hiệu lực như nghị quyết được các thành viên Hội đồng Quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

11. Biên bản họp Hội đồng Quản trị:

Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên và những biên bản đó phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có tất cả các chữ ký các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

12. Giám đốc/Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát không là thành viên Hội đồng Quản trị được mời tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị được quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết.

CHƯƠNG IX. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ ĐIỀU HÀNH

Điều 35. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm: Khối văn phòng Công ty (các phòng/ban/bộ phận chức năng), Chi nhánh và các đơn vị kinh doanh trực thuộc. Chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của từng đơn vị trong bộ máy quản lý thực hiện theo quyết định của Giám đốc/Tổng Giám đốc.
2. Bộ máy điều hành của Công ty gồm có:
 - a. Giám đốc/Tổng Giám đốc và các Phó Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc;
 - b. Kế toán trưởng;

- c. Các trưởng phòng/ban/bộ phận chuyên môn nghiệp vụ;
- d. Giám đốc các đơn vị cơ sở trực thuộc.

Điều 36. Giám đốc/Tổng Giám đốc

1. Giám đốc/Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty
2. Giám đốc/Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc tổ chức, quản lý, điều hành toàn diện các hoạt động tác nghiệp hàng ngày của Công ty. Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của Công ty và thi hành các Nghị quyết của Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Giám đốc có thể là thành viên Hội đồng quản trị
3. Giám đốc/Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm và ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng bao gồm cả thời hạn tuyển dụng với ít nhất 3/5 thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành.
4. Những đối tượng sau đây không được tuyển chọn để bổ nhiệm và ký hợp đồng làm Giám đốc/Tổng Giám đốc:
 - a. Người đã làm Giám đốc/Tổng Giám đốc Công ty nhà nước nhưng vi phạm kỷ luật đến mức bị cách chức, miễn nhiệm hoặc để Công ty bị lỗ hai (02) năm liên tiếp hoặc không đạt chỉ tiêu lợi nhuận trên vốn đầu tư hai (02) năm liên tiếp không khắc phục được, trừ trường hợp lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn Nhà nước đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn Nhà nước đầu tư vì lý do khách quan được giải trình và được cấp có thẩm quyền chấp nhận;
 - b. Thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý điều hành Doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật.
5. Giám đốc/Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn trong các trường hợp sau:
 - a. Để Công ty bị lỗ hai (02) năm liên tiếp hoặc không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn đầu tư hai (02) năm liên tiếp không khắc phục được, trừ trường hợp lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ vì lý do khách quan sau khi được giải trình và được Hội đồng quản trị chấp nhận;
 - b. Để Công ty lâm vào tình trạng phá sản nhưng không nộp đơn yêu cầu phá sản;
 - c. Không trung thực khi thực thi nhiệm vụ và quyền hạn của mình hoặc làm dụng chức quyền để thu lợi bất chính cho bản thân hoặc cho người khác, báo cáo không trung thực tình hình tài chính của Công ty;
 - d. Bị Tòa án kết án bằng bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật;
 - e. Bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

6. Giám đốc/Tổng Giám đốc Công ty có thể ủy quyền cho các Phó Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về việc ủy quyền của mình. Người được Giám đốc/Tổng Giám đốc ủy nhiệm, ủy quyền phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Giám đốc/Tổng Giám đốc và trước Pháp luật về những công việc mình làm và không được ủy nhiệm, ủy quyền lại cho người khác.

Điều 37. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc/Tổng Giám đốc

Giám đốc/Tổng Giám đốc có những nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Giám đốc/Tổng Giám đốc có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Hội đồng quản trị nếu quyết định này là trái luật, trái với Điều lệ Công ty và trái với các quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Việc từ chối này phải được làm bằng văn bản gửi cho Hội đồng quản trị
2. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty và các vấn đề không thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị
3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Đề xuất cho Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh Phó Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; đề xuất Hội đồng quản trị phê duyệt về mức lương, thù lao các lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động của Phó Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.
5. Tuyển dụng lao động; quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc/Tổng Giám đốc.
6. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch, chương trình hành động và các phương án bảo vệ, cạnh tranh, khai thác nguồn lực của Công ty, các phương án huy động vốn cho Công ty để trình Hội đồng quản trị phê duyệt.
7. Trình Hội đồng quản trị kế hoạch đầu tư và các dự án hợp tác đầu tư với các đối tác trong và ngoài nước bằng nguồn vốn do Công ty quản lý.
8. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt cấu trúc tổ chức, phương án điều chỉnh tổ chức, thành lập hoặc giải thể các đơn vị trực thuộc trong Công ty.
9. Thực hiện, phân công và ủy nhiệm Phó Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc phụ trách từng lĩnh vực hoạt động.
10. Thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên, đột xuất cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Chuẩn bị đầy đủ các báo cáo theo chương trình nghị sự mà Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát yêu cầu

11. Chậm nhất đến ngày 30 tháng 11 hàng năm, Giám đốc/Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính của Công ty. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý Công ty cho Hội đồng quản trị
12. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý Công ty cho Hội đồng Quản trị.
13. Đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp bất thường để giải quyết những vấn đề vượt quá quyền hạn Giám đốc/Tổng Giám đốc hoặc những biến động lớn trong Công ty.
14. Được đưa ra những quyết định vượt quá thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như: thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố, ... và phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó; đồng thời phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị để giải quyết tiếp
15. Thực hiện tất cả những hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này, các Quy chế của Công ty, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và quy định của Pháp luật.
16. Kiến nghị phương án trả cổ tức và xử lý những vấn đề tài chính trong sản xuất kinh doanh

Điều 38. Phó Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc

1. Phó Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc/Tổng Giám đốc. Phó Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc được phân công và ủy nhiệm hoặc ủy quyền điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty. Phó Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp trước Giám đốc/Tổng Giám đốc và pháp luật về các phần việc được phân công hoặc ủy nhiệm. Phó Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc có thể kiêm nhiệm phụ trách các phòng ban hoặc đơn vị trực thuộc.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Phó Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc/Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 39. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt Đại hội đồng cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành của Giám đốc/Tổng Giám đốc.

Ban kiểm soát của Công ty gồm ba (03) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm theo thể thức bầu trực tiếp, bỏ phiếu kín. Trong nhiệm

- kỳ của Ban kiểm soát, nếu có khiếm khuyết thành viên Ban kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu bổ sung. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Ban kiểm soát bầu ra một thành viên làm Trưởng Ban kiểm soát, theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là Kế toán viên hoặc Kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.
 3. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm và có thể được kéo dài thêm chín mươi (90) ngày để giải quyết công việc tồn đọng và bàn giao công việc cho Ban kiểm soát nhiệm kỳ tiếp theo.
 4. Ban Kiểm soát họp ít nhất sáu (06) tháng một lần và số lượng thành viên tối thiểu có trong các cuộc họp là hai (02) thành viên.
 5. Thù lao các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát và khi thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ.
 6. Tiêu chuẩn ứng cử thành viên Ban kiểm soát
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
 - b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc/Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
 - c. Có sức khỏe và phẩm chất đạo đức tốt, liêm khiết, trung thực, có ý thức chấp hành pháp luật.
 7. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 25% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử ba (03) ứng viên;
 8. Những người sau đây không được làm thành viên Ban kiểm soát:
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc/Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc/Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty;
 - b. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị tòa án tước quyền hành nghề.
 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm kiểm soát viên
 - a. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong những trường hợp sau đây:
 - Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
 - Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty;

- Thành viên đó bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - Thành viên đó không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
- b. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật và Điều lệ Công ty;
 - Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và Trưởng Ban kiểm soát

1. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát :
 - a. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc/Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty;
 - b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
 - c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật này;
 - e. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;
 - f. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Công ty;
 - h. Không được tiết lộ bí mật của Công ty;
 - i. Được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc/Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp đầy đủ kịp thời các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty;
 - j. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;
 - k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát
 - a. Triệu tập và chủ trì cuộc họp của Ban Kiểm soát;

- b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông;
3. Việc kiểm tra quy định tại khoản 1 và 2 của điều này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

CHƯƠNG XI. QUY ĐỊNH CHUNG ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 41. Trách nhiệm của người quản lý Công ty

Hội đồng quản trị, Giám đốc/Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác của Công ty có trách nhiệm sau đây:

1. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;
3. Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác; không được đem tài sản của Công ty cho, cho vay, cho người khác mượn; không được tiết lộ bí mật của Công ty, trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận;
4. Khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, thì:
 - a. Phải thông báo tình hình tài chính của công ty cho tất cả chủ nợ biết;
 - b. Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên của công ty, kể cả cho người quản lý;
 - c. Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a và b khoản này;
 - d. Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của công ty;
5. Các nghĩa vụ khác do Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

CHƯƠNG XII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ, CHẾ ĐỘ LƯU GIỮ TÀI LIỆU CỦA CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được

ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc/Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

Điều 43. Chế độ lưu giữ tài liệu

1. Công ty phải lưu giữ các tài liệu sau đây:
 - a. Điều lệ Công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Sổ đăng ký cổ đông;
 - b. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh; giấy chứng nhận quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm;
 - c. Các tài liệu và giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty;
 - d. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị; các quyết định đã được thông qua;
 - e. Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán (trường hợp công ty cổ phần đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán);
 - f. Báo cáo của Ban Kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;
 - g. Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm;
 - h. Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.
2. Công ty phải lưu giữ các tài liệu quy định tại Khoản 1 của Điều này ở trụ sở chính hoặc nơi khác nhưng phải thông báo cho cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh biết. Thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIII. CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 45. Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12.

2. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 46. Chế độ kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống kế toán Việt Nam.
2. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Điều 47. Hệ thống báo cáo tài chính

1. Giám đốc/Tổng Giám đốc sẽ phải hoàn thành báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính và gửi đến Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát để xem xét chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông
2. Cuối mỗi năm tài chính, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có trách nhiệm xem xét, thông qua quyết toán để trình Đại hội đồng cổ đông bao gồm:
 - a. Bảng cân đối kế toán;
 - b. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - c. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
 - d. Thuyết minh báo cáo tài chính;
 - e. Các báo cáo khác.
3. Công ty phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho các cơ quan chức năng theo quy định
4. Công ty phải lập các báo cáo tài chính hàng quý, hàng năm.

Điều 48. Trích lập các quỹ

1. Hàng năm, trước khi phân chia cổ tức cho cổ đông, Công ty phải sử dụng lợi nhuận sau thuế và các khoản được giảm trừ theo quy định của pháp luật, Công ty được trích lập các quỹ sau:
 - a. Quỹ đầu tư phát triển;
 - b. Quỹ khen thưởng;
 - c. Quỹ phúc lợi.
2. Mức trích cụ thể các quỹ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
3. Việc sử dụng các quỹ thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 49. Phân chia cổ tức

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 50. Kiểm toán

1. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của công ty.

CHƯƠNG XIV. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 51. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan đến công việc của Công ty hay tới các quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do luật pháp quy định, giữa một cổ đông hay các cổ đông với Công ty hoặc một cổ đông hay các cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm

- soát, Giám đốc/Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải.
2. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan đến Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh.
 3. Nếu tranh chấp liên quan đến Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
 4. Biên bản hòa giải thành và quyết định công nhận biên bản hòa giải thành của trọng tài đối với các bên liên quan có giá trị bắt buộc thực hiện đối với các bên.
 5. Nếu không có quyết định hòa giải nào đạt được trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp thuận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp ra Tòa án, phán quyết của Tòa án là phán quyết cuối cùng buộc các bên tuân theo.
 6. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa án quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XV. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ GIẢI THỂ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
 - d. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - e. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Công ty chỉ được giải thể khi đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và doanh nghiệp không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Người quản lý có liên quan và Công ty quy định tại điểm d, khoản 1 điều này cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp.

Điều 53. Thanh lý

1. Khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ

đồng chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm thực hiện các thủ tục thanh lý tài sản và chấm dứt hoạt động của Công ty, báo cáo cho cơ quan chức năng về việc chấm dứt hoạt động của Công ty.
 - a. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo quy định của pháp luật.
 - b. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ sẽ được phân chia cho các cổ đông.

CHƯƠNG XVI. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 54. Công nhân viên và công đoàn

Giám đốc/Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại điều lệ này, các quy chế của công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVII. HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 55. Con dấu

1. Con dấu của Công ty, Chi nhánh và đơn vị trực thuộc được cơ quan có thẩm quyền khắc theo mẫu quy định thống nhất, được đăng ký sử dụng và quản lý con dấu theo đúng yêu cầu của pháp luật.
2. Tất cả các văn bản của Công ty khi phát hành chính thức phải đóng dấu Công ty trên các chữ ký của một trong các chức danh sau: Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, Giám đốc/Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc hoặc các viên chức quản lý Công ty được Chủ tịch Hội đồng Quản trị ủy quyền. Chữ ký của các chức danh khác trong Công ty không được sử dụng con dấu.
3. Con dấu của Chi nhánh, đơn vị trực thuộc được sử dụng trên các chữ ký của Giám đốc, Phó Giám đốc chi nhánh hoặc đơn vị trực thuộc.
4. Hội đồng Quản trị giao Giám đốc/Tổng Giám đốc quản lý và sử dụng con dấu theo quy định pháp luật.

Điều 56. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Những Điều không được quy định trong Điều lệ này sẽ thực hiện theo các quy định và pháp luật hiện hành của Việt Nam.

Điều 57. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ này sẽ có hiệu lực kể từ ngày Điều lệ được đăng ký với Phòng đăng ký kinh doanh liên quan sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua
2. Điều lệ này chi phối toàn bộ mọi hoạt động của Công ty và mọi thành viên của Công ty có nghĩa vụ thi hành.
3. Nếu trong Điều lệ này có những điều khoản vô hiệu thì những điều khoản khác vẫn có hiệu lực.
4. Điều lệ này thay thế cho Điều lệ, Điều lệ sửa đổi ban hành trước đây.

Điều 58. Điều khoản cuối cùng

1. Bản điều lệ này gồm 17 chương 58 điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Du lịch Đồng Nai nhất trí thông qua theo Nghị quyết số ngày tháng năm và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương
 - b. Một (01) bản đăng ký tại Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.
 - c. Bốn (04) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
 - d. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Biên Hòa, ngày ... tháng ... năm ...
CÔNG TY CP DU LỊCH ĐỒNG NAI
Đại diện theo pháp luật của Công ty

Nguyễn Minh Thức

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	1
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty, Người đại diện theo pháp luật	2
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	3
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	3
Điều 4. Ngành, nghề kinh doanh.....	4
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	5
Điều 6. Địa bàn hoạt động của Công ty	5
Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Công ty.....	5
Điều 8. Các tổ chức chính trị xã hội.....	5
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	5
Điều 9. Vốn điều lệ.....	5
Điều 10. Cổ phần.....	6
Điều 11. Chứng nhận cổ phiếu.....	6
Điều 12. Cổ đông sáng lập.....	7
Điều 13. Chuyển nhượng cổ phần.....	7
Điều 14. Thừa kế cổ phần.....	7
Điều 15. Mua lại cổ phần.....	8
Điều 16. Thu hồi cổ phần	8
CHƯƠNG V. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG	9
Điều 17. Quyền hạn của cổ đông	9
Điều 18. Nghĩa vụ của cổ đông.....	11
Điều 19. Các đại diện được ủy quyền	11
CHƯƠNG VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY	12
Điều 20. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty	12
CHƯƠNG VII. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	12
Điều 21. Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 23. Danh sách cổ đông có quyền dự họp và các đại diện được ủy quyền	15
Điều 24. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp.....	16
Điều 25. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 26. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	17

Điều 27. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 28. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 29. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 30. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	21
CHƯƠNG VIII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	21
Điều 31. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	21
Điều 32. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	23
Điều 33. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị.....	24
Điều 34. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	25
CHƯƠNG IX. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ ĐIỀU HÀNH.....	28
Điều 35. Tổ chức bộ máy quản lý.....	28
Điều 36. Giám đốc/Tổng Giám đốc	29
Điều 37. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc/Tổng Giám đốc.....	30
Điều 38. Phó Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc	31
CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT.....	31
Điều 39. Ban kiểm soát.....	31
Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và Trưởng Ban kiểm soát	33
CHƯƠNG XI. QUY ĐỊNH CHUNG ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY.....	34
Điều 41. Trách nhiệm của người quản lý Công ty.....	34
CHƯƠNG XII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ, CHẾ ĐỘ LƯU GIỮ TÀI LIỆU CỦA CÔNG TY	34
Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	34
Điều 43. Chế độ lưu giữ tài liệu.....	35
CHƯƠNG XIII. CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	35
Điều 44. Tài khoản ngân hàng.....	35
Điều 45. Năm tài chính.....	35
Điều 46. Chế độ kế toán	36
Điều 47. Hệ thống báo cáo tài chính.....	36
Điều 48. Trích lập các quỹ.....	36
Điều 49. Phân chia cổ tức.....	36
Điều 50. Kiểm toán	37
CHƯƠNG XIV. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	37
Điều 51. Giải quyết tranh chấp nội bộ	37
CHƯƠNG XV. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ GIẢI THỂ.....	38
Điều 52. Chấm dứt hoạt động.....	38
Điều 53. Thanh lý.....	38
CHƯƠNG XVI. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	39
Điều 54. Công nhân viên và công đoàn.....	39
CHƯƠNG XVII. HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC.....	39
Điều 55. Con dấu.....	39
Điều 56. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	40
Điều 57. Hiệu lực thi hành.....	40

